FireAnt

CTCP Damsan (HSX: ADS)

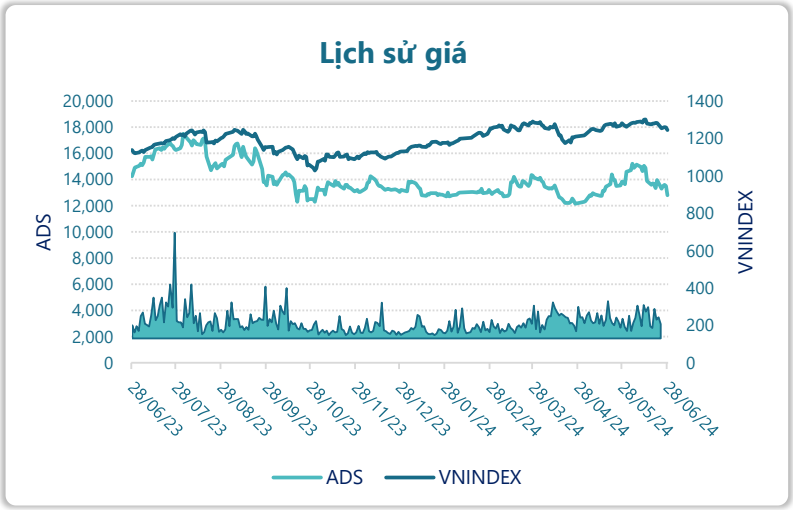

Thông tin giao dịch	28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**12,800**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	17,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	12,150
SL cổ phiếu LH	76,394,727
KLGD BQ 20 phiên (CP)	992,810
% sở hữu nước ngoài	0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	978
P/E	25.1
EPS	509

DT thuần

Q2/24

391

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.00| 0.4%

YoY: ▼103| -20.8%

LN sau thuế

Q2/24

6.59

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.73| -20.8%

YoY: ▼18.6| -73.9%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/24

2.1%

+/- YoY: ▼ 10.6%

DT thuần

6T 2024

781

tỷ VNĐ

YoY: ▼8.00| -0.9%

LN sau thuế

6T 2024

14.9

tỷ VNĐ

YoY: ▼23.5| -61.2%

ROE

Q2/24

4.4%

+/- YoY: ▼ 3.9%

Kết quả kinh doanh

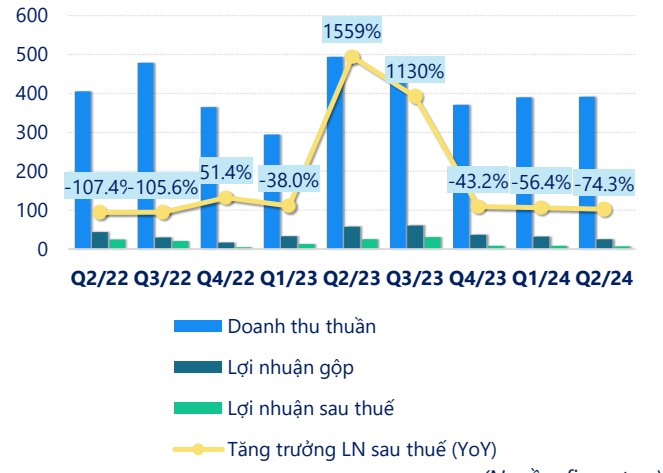

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

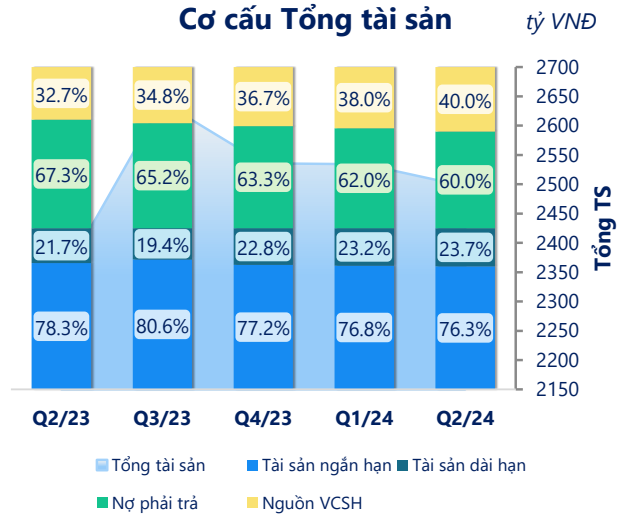

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

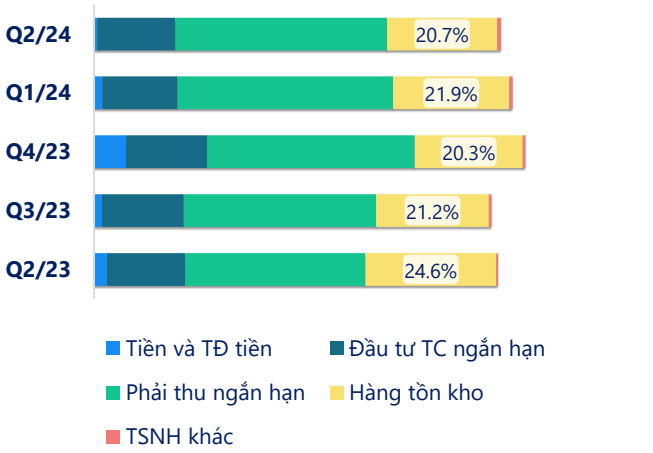

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

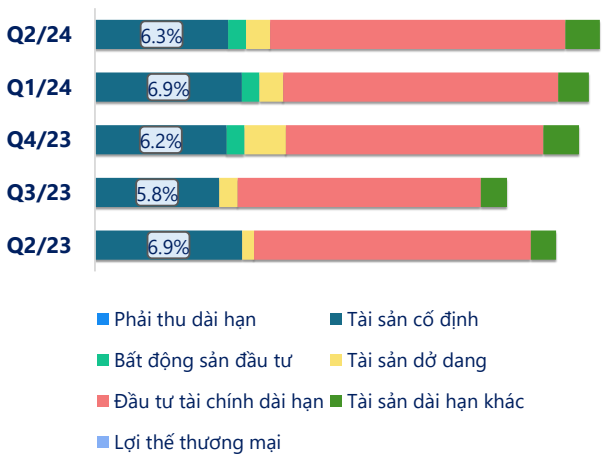

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

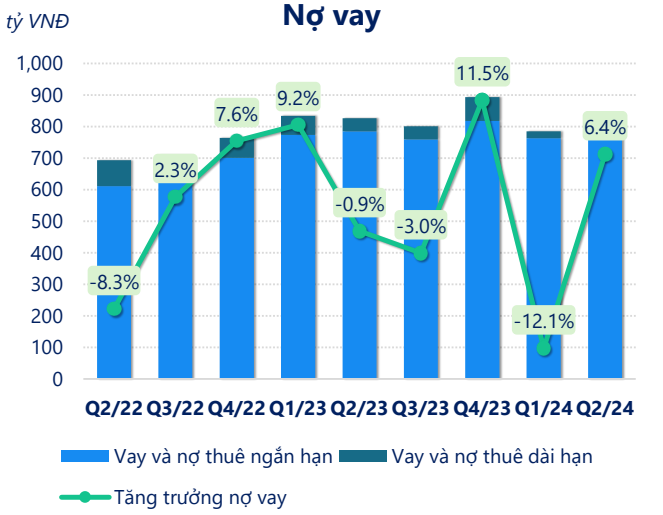

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

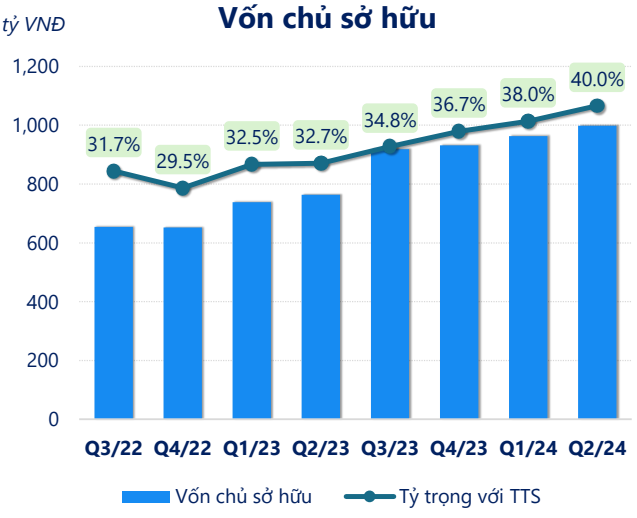

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

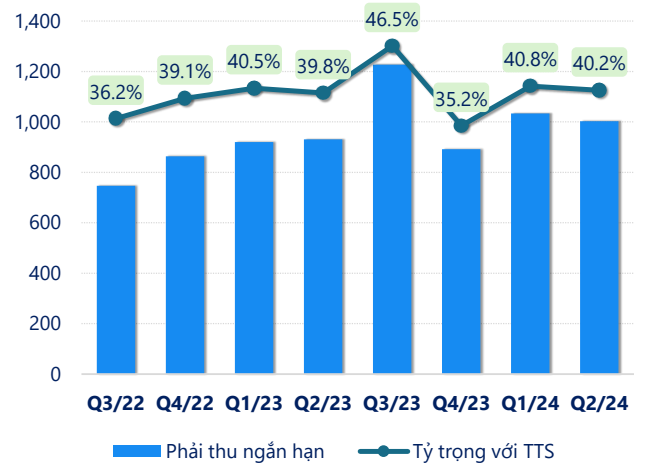

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

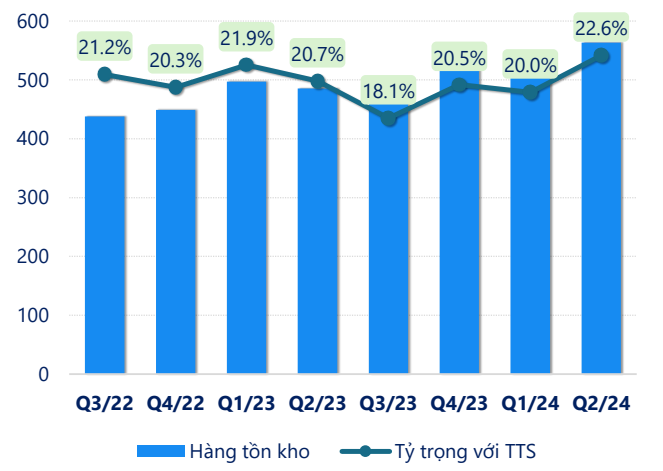

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

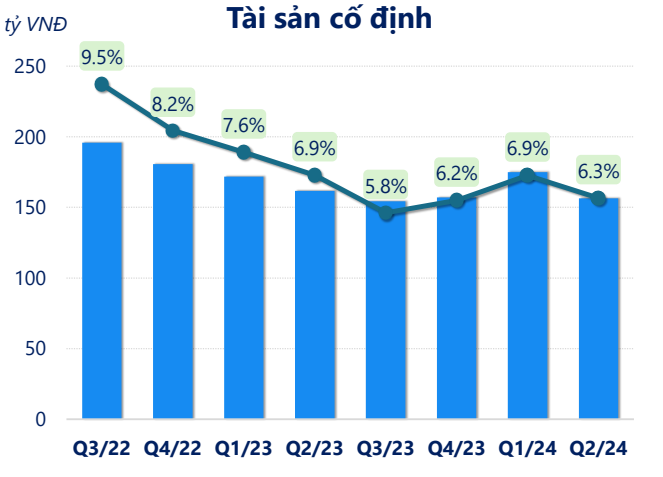

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

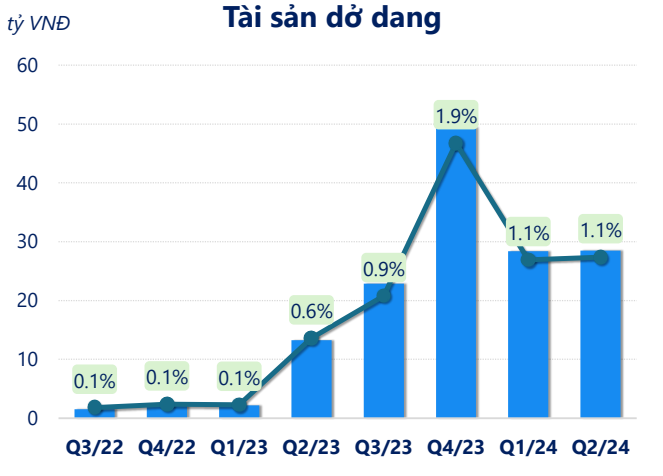

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

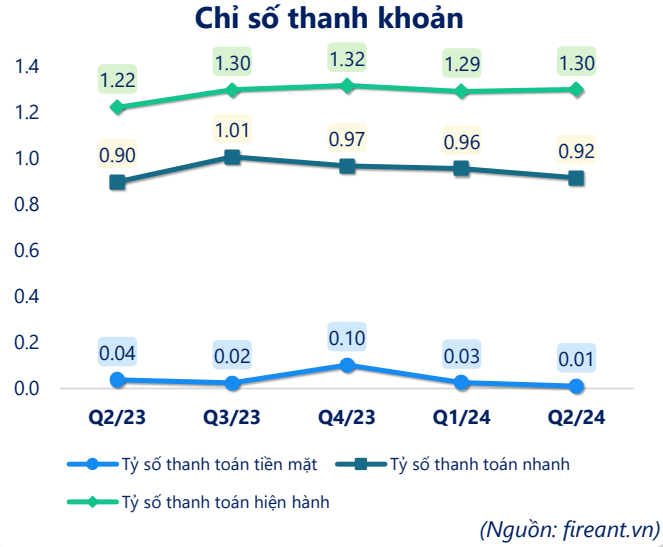

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

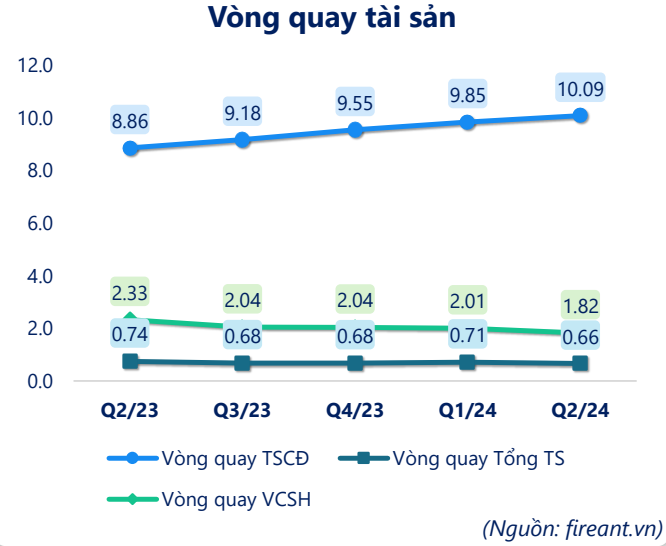

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Tổng tài sản	**2,339**	**2,641**	**2,536**	**2,534**	**2,497**
Tài sản ngắn hạn	**1,832**	**2,129**	**1,959**	**1,946**	**1,904**
Tiền và tương đương tiền	55.9	39.2	152	39.4	14.9
Đầu tư tài chính ngắn hạn	344	367	380	354	308
Phải thu ngắn hạn	931	1,228	892	1,034	1,003
Hàng tồn kho	485	479	520	506	563
Tài sản ngắn hạn khác	15.9	16.2	14.6	12.8	14.3
Tài sản dài hạn	**507**	**512**	**577**	**589**	**593**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	162	154	157	175	156
Bất động sản đầu tư	0	0	21.2	21.0	20.8
Tài sản dở dang	13.2	22.9	49.4	28.4	28.5
Đầu tư tài chính dài hạn	304	302	307	327	346
Tài sản dài hạn khác	27.9	32.8	42.6	36.7	40.5
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,575**	**1,722**	**1,605**	**1,571**	**1,498**
Nợ ngắn hạn	**1,499**	**1,639**	**1,487**	**1,506**	**1,465**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	785	759	817	763	814
Phải trả người bán ngắn hạn	138	55.3	58.0	45.0	41.7
Nợ dài hạn	76.6	83.3	118	64.4	33.6
Vay và nợ thuê dài hạn	41.3	41.5	75.7	22.2	21.4
Nguồn vốn chủ sở hữu	**764**	**919**	**931**	**963**	**998**
Vốn chủ sở hữu	**764**	**919**	**931**	**963**	**998**
Vốn điều lệ	508	584	584	734	764
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)